TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110 / 2018 / HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 12 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đinh Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 238/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2018; Về việc: *"Xin ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh N, chị D do quen biết, được gia đình hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian đầu mới cưới vợ, chồng sống chung rất hạnh phúc, về sau thì bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Khoảng cuối năm 2017 vợ chồng ly thân cho đến ngày hôm nay không đoàn tựu lại.

Nay Anh N cảm thấy tình cảm vợ, chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc D.

- Về con chung: 02 con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/02/2001 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 05/5/2008 từ khi ly thân đến nay, 02 con chung sống với chị D. Sau khi ly hôn theo nguyện vọng 02 con chung nên giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, Anh N không cấp dưỡng nuôi con chung .

- Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh Anh N đã cung cấp cho Tòa án và được họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ xác định là đầy đủ và không cung cấp chứng cứ thêm.

Con chung Nguyễn Hoàng Duy, sinh ngày 05/5/2008 trình bày: Cháu K con chung cha Nguyễn Văn N, mẹ Phạm Thị Ngọc D. Sau khi cha, mẹ cháu ly hôn thì cháu K có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ, không yêu cầu cha cấp dưỡng.

Con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/02/2001 trình bày: Cháu H con chung cha Nguyễn Văn N, mẹ Phạm Thị Ngọc D. Sau khi cha, mẹ cháu ly hôn thì cháu H có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ, không yêu cầu cha cấp dưỡng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn chị D biết về việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ của Anh N cung cấp. Chị Phạm Thị Ngọc D không có văn bản trả lời, không có yêu cầu gì trong vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị D vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " Ly hôn, nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp B, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng chị D vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 07 tháng 4 năm 2000 Anh N, chị D kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng và hiện nay đã ly thân năm 2017 đến nay không đoàn tựu lại là có thật. Anh N yêu cầu ly hôn với chị D là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Từ khi ly thân cho đến nay, 02 chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/02/2001 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 05/5/2008 sống với chị D. Sau khi ly hôn theo nguyện vọng 02 con chung nên giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, Anh N không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Vế án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Nguyễn Văn N được ly hôn với bị đơn Phạm Thị Ngọc D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/02/2001 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 05/5/2008 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, Anh N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn Anh N không trực tiếp nuôi con chung, có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung , nợ chung: Không đặt ra, Không yêu cầu nên miễn xét.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Văn N nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số N^{0}0006635 ngày 14/8/2018, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Phạm Thị Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện MT 01b;*
- *THA DS huyện MT 01b;*
- *Phòng KTNV & THA TAT 01b;*
- *UBND xã T 01b;*
- *Các đương sự 02bản ;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo